

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 57 TC/NSNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 1989

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thi hành nghị Quyết số 186/HĐBT ngày 27/11/1989 của Hội đồng Bộ trưởng về phân cấp quản lý ngân sách cho địa phương.

Thực hiện điểm 3, mục III Nghị quyết số 186/HĐBT ngày 27/11/1989 của Hội đồng Bộ trưởng về phân cấp quản lý ngân sách cho địa phương, Bộ Tài chính hướng dẫn một số điểm cụ thể sau đây:

I. CÁC YÊU CẦU CỦA CHẾ ĐỘ PHÂN CẤP QUẢN LÝ NGÂN SÁCH CHO ĐỊA PHƯƠNG

Nghị quyết số 186/HĐBT ngày 27/11/1989 của Hội đồng Bộ trưởng về phân cấp quản lý ngân sách cho địa phương đã đề ra các yêu cầu cơ bản của chế độ phân cấp quản lý ngân sách là:

- Quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ,
- Bảo đảm tính thống nhất của nền tài chính quốc gia.
- Chính quyền Nhà nước các cấp phải coi việc quản lý chặt chẽ thu chi ngân sách Nhà nước là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để chống lạm phát; ổn định và phát triển kinh tế xã hội.

1/ Quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ:

Đây là một trong những nguyên tắc quan trọng quản lý kinh tế của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Quán triệt nguyên tắc này trong việc phân cấp quản lý ngân sách cho các địa phương được thể hiện cụ thể như sau:

- Quốc hội quyết định cuối cùng về ngân sách Nhà nước và phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách Nhà nước.

- Hội đồng Bộ trưởng thông qua các Bộ, Ủy ban Nhà nước các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước.

- Chính quyền địa phương các cấp có quyền chủ động xây dựng và bảo vệ kế hoạch thu chi ngân sách hàng năm với cấp trên. Sau khi kế hoạch được duyệt và giao chính thức, chính quyền địa phương các cấp có nhiệm vụ tổ chức chỉ đạo thực hiện, hoàn thành tốt mọi chỉ tiêu kế hoạch về thu, chi ngân sách.

2/ Bảo đảm tính thống nhất của nền tài chính quốc gia.

- Nhà nước Trung ương ban hành các cơ chế, chính sách, định mức, chế độ thu chi tài chính áp dụng thống nhất trong cả nước. Ủy ban Nhân dân các cấp có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện đối với các cơ quan Nhà nước, các đơn vị thuộc các thành phần kinh tế đóng trên địa bàn.

- Chính quyền Nhà nước các cấp không được tự ý ban hành các chính sách, chế độ tài chính riêng trái với qui định của Trung ương. Phải thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách theo kế hoạch, chính sách, chế độ tài chính do Trung ương qui định thống nhất với hiệu quả cao. Mọi khoản thu chi của Nhà nước đều phải được phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực vào ngân sách Nhà nước.

- Ủy ban Nhân dân tỉnh phải thực hiện đúng tỷ lệ điều tiết các nguồn thu giữa các cấp ngân sách quy định tại Nghị quyết số 186/HĐBT ngày 27/11/1989 của Hội đồng Bộ trưởng về phân cấp quản lý ngân sách cho địa phương.

3/ Chính quyền Nhà nước các cấp phải coi việc quản lý chặt chẽ thu chi ngân sách Nhà nước là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để chống lạm phát, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn hiện nay.

- Chính quyền Nhà nước các cấp phải coi trọng việc tổ chức chỉ đạo, kiểm tra công tác quản lý và thu thuế, thu đúng thu đủ, chống thất thu, chấp hành nghiêm chỉnh các luật, pháp lệnh về thuế, không được miễn giảm thuế tràn lan trái với quy định của Nhà nước.

- Lường thu mà chi, thực hiện triệt để tiết kiệm chi và nâng cao hiệu quả mọi khoản chi; bồi dưỡng, khai thác mọi nguồn thu trên địa bàn, tăng thu để đảm bảo các nhu

cầu chi hợp lý và nâng mức đóng góp với ngân sách Trung ương để góp phần chống lạm phát, đáp ứng các nhu cầu tăng chi của cả nước.

Nghị quyết này đã phân định rõ nhiệm vụ chi, cơ chế hình thành các nguồn thu, các nguyên tắc điều hành ngân sách cho chính quyền Nhà nước ở địa phương, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương (dưới đây gọi tắt là tỉnh) huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi tắt là huyện) và xã, phường, thị trấn (gọi tắt là xã).

II. NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG.

Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương bao gồm:

1/ Chi đầu tư xây dựng cơ bản:

Chi cấp phát vốn xây dựng các công trình kinh tế, văn hoá của địa phương được Hội đồng Bộ trưởng (hoặc uỷ nhiệm cho Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Tài chính) xét duyệt.

Như vậy vốn xây dựng cơ bản trong ngân sách địa phương trước đây bao gồm 2 nguồn: nguồn vốn tập trung của ngân sách Trung ương chuyển về và nguồn địa phương bố trí bằng một số khoản thu chỉ định (sổ số kiến thiết, công trái xây dựng Tổ quốc, kết dư ngân sách địa phương...). Từ nay trở đi được thống nhất vào một mối, cân đối ngay vào ngân sách địa phương từ đầu năm và được bảo đảm trước hết bằng các nguồn thu tại chỗ, bảo đảm cho địa phương được chủ động trong xây dựng kế hoạch và điều hành vốn xây dựng cơ bản.

Hàng năm, Uỷ ban Nhân dân tỉnh lập kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản của địa phương bao gồm cả vốn đầu tư xây dựng vùng kinh tế mới, định canh định cư và sắp xếp danh mục công trình theo thứ tự ưu tiên trình Hội đồng Bộ trưởng, đồng kính gửi Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Tài chính căn cứ vào kế hoạch tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản trong ngân sách Nhà nước xét duyệt và dự kiến giao kế hoạch giá trị khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành trong năm kèm theo danh mục các công trình trọng điểm. Bộ Tài chính căn cứ dự kiến của Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước để lập kế hoạch cấp phát vốn và ghi vào kế hoạch chi ngân sách địa phương.

2/ Chi sự nghiệp kinh tế:

Ngoài nhiệm vụ đảm bảo vốn cho các hoạt động sự nghiệp kinh tế do địa phương quản lý từ trước như:

- Sự nghiệp nông, lâm, ngư nghiệp.
- Sự nghiệp thủy lợi, đê điều,
- Sự nghiệp giao thông vận tải,
- Kiến thiết thị chính, nhà ở và công trình công cộng.
- Các hoạt động sự nghiệp kinh tế khác.

Từ nay ngân sách địa phương phải đảm nhiệm thêm các nhiệm vụ chi sau đây:

- Chi về đo đạc và quản lý ruộng đất (trừ chi phí đo toạ độ cấp I và cấp II).
- Chi về quy hoạch, khảo sát tổng thể của địa phương (không kể khảo sát thiết kế của các công trình xây dựng cơ bản cụ thể đã được tính vào dự toán công trình).
- Chi cho công tác định canh, định cư ở địa phương.
- Chi đưa dân đi và đón dân đến vùng kinh tế mới (nơi nào đưa dân đi thì phải lo toàn bộ kinh phí để cho dân, nơi nào đón dân đến phải lo toàn bộ kinh phí để đón dân đến), theo đúng chế độ hiện hành của Nhà nước.

Tất cả cá khoản chi này, đều phải được tính toán và điều hành theo đúng những chế độ, định mức thống nhất do Trung ương qui định cho cả nước.

3/ Chi về văn hoá, y tế, xã hội:

Đây là khoản chi rất lớn, cần xác định rõ thêm một số điểm chủ yếu như sau:

- Chi cho giáo dục: Bao gồm chi cho tất cả các trường phổ thông, bổ túc văn hoá, nhà trẻ, mẫu giáo, các trường thanh thiếu niên dân tộc thuộc địa phương quản lý.
- Chi cho đào tạo: bao gồm các lớp đại học tại chức, các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo dạy nghề, đào tạo sơ cấp ngắn hạn và các hình thức đào tạo khác do địa phương tổ chức và quản lý.
- Chi cho nghiên cứu khoa học: bao gồm chi cho các đề tài nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật do địa phương quản lý.
- Chi cho y tế: bao gồm chi về chữa bệnh, phòng bệnh, chi về chữa các bệnh xã hội, chi cho sinh đẻ có kế hoạch và các chi khác về y tế thuộc địa phương quản lý.

e. Chi về đảm bảo xã hội: gồm trợ cấp cứu tế xã hội, chi cho các trại xã hội (trại mồ côi, trại nuôi dưỡng người tàn tật, trại cải tạo lao động...) chi trợ cấp cho người già yếu không nơi nương tựa, trợ cấp thêm cho những thương binh, bệnh binh nặng sinh hoạt tại gia đình (nếu có) và các khoản chi bảo đảm xã hội khác theo sự phân cấp của Trung ương.

g. Chi cho văn hoá thông tin, thể dục thể thao: gồm các khoản chi trợ cấp cho các đoàn nghệ thuật, thư viện, bảo tồn bảo tàng, đài phát thanh, truyền hình, các đội thông tin, cổ động, triển lãm, các trung tâm tập huấn, bồi dưỡng vận động viên thể dục thể thao, các đại hội thể dục thể thao cấp huyện, cấp tỉnh do địa phương tổ chức và quản lý.

Tất cả các khoản chi về văn hoá xã hội được thực hiện theo đúng định mức thống nhất do Bộ Tài chính quy định.

Các khoản chi khác về văn hoá, giáo dục, y tế, xã hội trước đây địa phương đã chi nay vẫn tiếp tục chi.

4/ Trợ cấp khó khăn thường xuyên và đột xuất cho cán bộ công nhân viên chức Trung ương và địa phương.

Từ nay chuyển giao cho ngân sách địa phương chi trả khoản trợ cấp khó khăn thường xuyên và đột xuất cho cán bộ công nhân viên chức cả Trung ương và địa phương đóng trên địa bàn theo Thông tư số 06/TTLB ngày 24/3/1989 của Liên Bộ Tài chính - Lao động - thương binh và xã hội, theo nguyên tắc:

-Đối với khu vực sản xuất kinh doanh được sử dụng 2% quỹ tiền lương cấp bậc, chức vụ để làm nguồn chi trả trợ cấp khó khăn thường xuyên và đột xuất, nếu thiếu thì dùng quỹ phúc lợi để bổ sung thêm.

-Đối với các đơn vị hành chính sự nghiệp do ngân sách cấp phát bằng 2% quỹ tiền lương cấp bậc, chức vụ để làm nguồn chi trả trợ cấp khó khăn thường xuyên và đột xuất cho cán bộ công nhân viên chức. Trong quá trình thực hiện phải đảm bảo sự công bằng hợp lý, không phân biệt cán bộ công nhân viên chức do Trung ương hay địa phương quản lý và phải đảm bảo đúng đối tượng và mức chi đã quy định tại Thông tư nói trên.